

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành kèm Quyết định số /2019/QĐ-ĐHPT ngày tháng năm 2019
của Trường Đại học Phan Thiết)*

A. Thông tin tổng quát (General information)

1. Tên chương trình tiếng Việt: LUẬT KINH TẾ
2. Tên chương trình tiếng Anh: ECONOMIC LAW
3. Trình độ đào tạo: Đại học
4. Ngành đào tạo tiếng Việt: LUẬT KINH TẾ
5. Ngành đào tạo tiếng Anh: ECONOMIC LAW
6. Mã ngành: 7380107
7. Thời gian đào tạo: 3.5 năm
8. Loại hình đào tạo: Chính quy, tập trung
9. Số tín chỉ: 121 tín chỉ (không bao gồm QPAN và GDTC)
10. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân/Đại học
11. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt/Tiếng Anh

B. Mục tiêu đào tạo và Chuẩn đầu ra (Program Objectives and Learning Outcomes)

1. Mục tiêu đào tạo (Program Objectives)

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực cho các cơ quan Nhà nước, các tổ chức kinh tế - xã hội trong và ngoài nước hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Trong suốt quá trình đào tạo, mục tiêu của Nhà trường là xây dựng, đào tạo kiến thức cho các sinh viên một cách hệ thống, chuyên nghiệp, tạo môi trường rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kỹ năng chuyên sâu về pháp luật trong kinh doanh, đồng thời được trang bị những kiến thức cơ bản và những năng lực đủ để nghiên cứu và xử lý những vấn đề phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế ở góc độ khoa học pháp lý.

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân chuyên ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Phan Thiết sẽ có nhiều cơ hội để trở thành các chuyên gia kinh tế am hiểu pháp luật trong kinh doanh, đủ khả năng đảm nhận những vị trí công tác liên quan đến hoạt động kiểm soát,

pháp chế tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các cơ quan quyền lực, cơ quan quản lý nhà nước. Đồng thời, với những nỗ lực nhất định, các cử nhân có thể đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng của các cơ quan tư pháp (điều tra, kiểm sát các vụ việc kinh tế - thương mại), các Trung tâm trọng tài thương mại, các đơn vị cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ pháp luật hoặc các tổ chức phi chính phủ khác.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức:

a. Kiến thức giáo dục đại cương:

PO1. Sinh viên có kiến thức cơ bản về chính sách an ninh, quốc phòng theo đường lối hòa bình của nhà nước Việt Nam; có kiến thức cơ bản về môi trường; có tư duy logic; có kiến thức tin học cơ bản MS Windown, MS Word, MS Excell, Powerpoint; có kiến thức Ngoại ngữ;

PO2. Sinh viên hiểu biết kiến thức nền tảng về nhà nước và pháp luật; khái quát được lịch sử nhà nước, pháp luật của Việt Nam và thế giới; phân biệt được hệ thống cơ bản pháp luật thế giới và phân biệt các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; sinh viên hiểu cơ bản những quy định, các tập quán quốc tế trong lĩnh vực công pháp và tư pháp;

b. Kiến thức về cơ sở ngành:

PO3. Sinh viên nắm bắt, hiểu được những quy định pháp luật trong quản lý nhà nước về kinh doanh, thương mại; các quy định pháp luật về việc thành lập, tổ chức, hoạt động của cá nhân và tổ chức trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại;

PO4. Sinh viên hiểu được quy định pháp luật trong lĩnh vực chuyên ngành kinh tế như giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa; thanh toán quốc tế, tài chính ngân hàng; kinh doanh chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản;

c. Kiến thức về chuyên ngành:

PO5. Sinh viên có kiến thức hành nghề ở các lĩnh vực tư vấn pháp luật, cung cấp dịch vụ pháp lý;

PO6. Sinh viên có kiến thức thực tế về các hoạt động tố tụng, các hoạt động giải quyết tranh chấp về hình sự, dân sự, hành chính và kinh doanh thương mại;

1.2.2. Về kỹ năng

d. Kỹ năng cứng

PO7. Kỹ năng nghiên cứu khoa học, xây dựng, tuyên truyền và phổ biến pháp luật.

PO8. Kỹ năng tra cứu và áp dụng các điều, văn bản quy phạm pháp luật;

e. Kỹ năng mềm

PO9. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo các loại hợp đồng theo yêu cầu của doanh nghiệp;

PO10. Kỹ năng cung cấp dịch vụ pháp lý; tư vấn pháp luật nhất là lĩnh vực pháp luật doanh nghiệp

1.2.3. Về thái độ

f. Ý thức trách nhiệm

PO11. Nhận thức được vai trò quan trọng của pháp luật trong đời sống xã hội, “sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật” trong việc góp phần xây dựng và bảo vệ pháp luật;

g. Đạo đức nghề nghiệp

PO12. Có ý thức tổ chức kỷ luật và thực hiện đúng nội quy của tổ chức, kỷ luật lao động; có khả năng làm việc độc lập, có khả năng tự tạo việc làm phù hợp với chuẩn mực xã hội;

1.2.4. Về vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Cơ hội việc làm của sinh viên tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế hiện tại rất lớn. Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật kinh tế có thể công tác tại các cơ quan như: Sở Kế hoạch và đầu tư, phòng Kinh tế, Tòa án nhân dân các cấp, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp; Hội đồng nhân dân, UBND và các cơ quan chuyên môn của UBND các cấp; Công an, Thanh tra, Thi hành án; Sở Tư pháp, Sở Ngoại vụ, Sở Công thương, Cục Thuế, Hải quan, bộ phận pháp chế hoặc nhân sự trong các doanh nghiệp trong và ngoài nước; làm luật sư tư vấn cho các công ty Luật, Văn phòng luật sư; hoặc làm công tác nghiên cứu trong các Viện Nghiên cứu về Nhà nước và pháp luật, Viện Kinh tế.....

1.2.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sinh viên có thể học lên cao như thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước... Bên cạnh đó, sinh viên có thể học thêm các kỹ năng hành nghề như: luật sư, công chứng viên...hoặc học VB2 các ngành học khác.

2. Chuẩn đầu ra (Program learning outcomes)

2.1. Kiến thức

Chuẩn đầu ra	Giải thích
LO1	Kiến thức giáo dục đại cương gồm kiến thức của một số ngành khoa học về chính trị, kinh tế, văn hóa, lịch sử, tâm lý

	là nền tảng cho việc tiếp cận, nghiên cứu và phát triển tri thức về nhà nước và pháp luật của chương trình đào tạo đại học ngành Luật; kiến thức về công nghệ thông tin, ngoại ngữ và về một số lĩnh vực khác cần thiết cho việc thực hiện các công việc thuộc lĩnh vực pháp luật
LO2	Kiến thức cơ sở ngành gồm kiến thức lý luận và thực tiễn về Nhà nước và pháp luật nói chung; kiến thức chuyên sâu về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam hiện hành thuộc các lĩnh vực pháp luật cơ bản cho phép sinh viên có khả năng vận dụng để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong các lĩnh vực pháp luật về hành chính, hình sự, dân sự, kinh tế, quốc tế;
LO3	Kiến thức chuyên ngành gồm các kiến thức lý luận chuyên sâu và thực tiễn pháp lý theo lĩnh vực chuyên ngành mà sinh viên lựa chọn để có thể vận dụng giải quyết những vấn đề chuyên môn sâu thuộc một trong các lĩnh vực pháp luật hành chính nhà nước, pháp luật hình sự, pháp luật dân sự, pháp luật kinh tế và pháp luật quốc tế.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng cứng

Chuẩn đầu ra	Giải thích
LO4	Kỹ năng tư duy pháp lý và thực hành nghề nghiệp cần đạt được để có thể độc lập trong việc vận dụng những kiến thức chuyên môn vào thực tiễn
LO5	Kỹ năng nghiên cứu, đánh giá tính hợp lý của luật thực định trong mối liên hệ với lý luận, phát hiện và giải quyết các vấn đề từ đơn giản tới phức tạp thuộc lĩnh vực khoa học pháp lý
LO6	Kỹ năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến công việc của mình

2.2.2. Kỹ năng mềm

Các kỹ năng hỗ trợ cho việc nâng cao hiệu quả làm việc và phát huy tối đa năng lực cá nhân như:

Chuẩn đầu ra	Giải thích
--------------	------------

LO7	Kỹ năng liên tục tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ, cập nhật, ứng dụng thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết công việc
LO8	Kỹ năng giao tiếp ứng xử với đồng nghiệp, với cá nhân, đơn vị, tổ chức khác
LO9	Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ thông dụng ở mức có thể hiểu được các ý chính của báo cáo hay bài phát biểu các chủ đề liên quan đến pháp luật... và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin ở mức cơ bản

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Sinh viên cần đạt mức thái độ như được trình bày ở Bảng bên dưới để quá trình đào tạo đạt hiệu quả.

Chuẩn đầu ra	Giải thích
LO10	Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia
LO11	Tinh thần thượng tôn pháp luật, phục sự công lý, công bằng, liêm chính và nhân văn
LO12	Chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức tích lũy cho toàn khóa tối thiểu là 121 tín chỉ, không bao gồm Giáo dục Thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng (8 tín chỉ).

4. Đối tượng tuyển sinh

Công dân đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành tại Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa bổ sung một số điều theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định tại điều

27 Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa, bổ sung một số điều theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Tích lũy đủ số tín chỉ môn học và khối lượng kiến thức quy định cho CTĐT mỗi khóa.
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.00 trở lên.
- Đạt điểm rèn luyện từ 5.0 trở lên (tối thiểu xếp loại trung bình/ toàn khóa học)
- Có chứng chỉ tin học cơ bản và nâng cao do trường Đại học Phan Thiết cấp.
- Có chứng chỉ tiếng Anh: TOEIC quốc tế 500 điểm hoặc chứng nhận tiếng Anh do trường Đại học Phan Thiết cấp.
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và hoàn thành môn học Giáo dục Thể chất
- Chứng nhận hoạt động cộng đồng (35 ngày công ích)

6. Cách thức đánh giá

Chương trình sử dụng thang điểm 10, quy đổi tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy định của Trường.

7. Nội dung chương trình

TT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ			Môn tiên quyết (nếu có)
			TC	LT	TH/TT	
7.1	Kiến thức giáo dục đại cương					
	7.1.1. Lý luận chính trị		11	11		
	Triết học Mác - Lênin Marxist-Leninist Philosophy	19079	3	3		
	Kinh tế chính trị Mác – Lênin Political economics of marxism and leninism	19080	2	2		
	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	19081	2	2		
	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	20009	2	2		

	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnam Communist Party	19082	2	2		
	7.1.3. Ngoại ngữ		18	18		
	Tiếng Anh 1 English 1		3	3		
	Tiếng Anh 2 English 2		3	3		
	Tiếng Anh 3 English 3		3	3		
	Tiếng Anh 4 English 4		3	3		
	Tiếng Anh 5 English 5		3	3		
	Tiếng Anh chuyên ngành English for specialization		3	3		
	7.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên		3			
	Tin học căn bản Basic Informatics	20010	3	1	2	
	7.1.5. Giáo dục Thể chất		3		3	
	Giáo dục Thể chất 1 Physical Education 1		2		2	
	Giáo dục Thể chất 2 Physical Education 2		1		1	
	<i>Chọn 1 trong các học phần sau:</i>					
	Thể dục nhịp điệu					
	Bóng chuyền					
	Bóng đá					
	7.1.6. Giáo dục Quốc phòng - An ninh		8		8	
	Giáo dục Quốc phòng Military and Defense Education	DEDU1 801	8		8	
	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					
	7.2.1. Kiến thức cơ sở của ngành		7	7		

	Hướng nghiệp		1	1		
	Đạo đức nghề luật		1	1		
	Kinh tế học đại cương		3	3		
	Phương pháp nghiên cứu khoa học		2	2		
	7.2.2. Kiến thức ngành và chuyên sâu:					
	7.2.2.1. Kiến thức chung:		8	8		
	Bắt buộc:					
	Lý luận về nhà nước và pháp luật		3	3		
	Luật hiến pháp		3	3		
	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam		2	2		
	7.2.2.2 Kiến thức chuyên ngành:					
	Bắt buộc:		52	52		
	Luật Dân sự 1		2	2		
	Luật Dân sự 2		2	2		
	Luật Hôn nhân và gia đình		2	2		
	Luật hành chính		3	3		
	Luật thương mại 1		3	3		
	Luật thương mại 2		3	3		
	Pháp luật về thương mại điện tử		2	2		
	Luật lao động		3	3		
	Luật đất đai		3	3		
	Luật tổ tụng dân sự		3	3		

	Luật hình sự		3	3		
	Tư pháp quốc tế		3	3		
	Luật thương mại quốc tế		2	2		
	Luật tố tụng hình sự		2	2		
	Luật môi trường		2	2		
	Công pháp quốc tế		3	3		
	Luật cạnh tranh		2	2		
	Luật thuế		3	3		
	Luật ngân hàng		2	2		
	Luật ngân sách		2	2		
	Tội phạm học		2	2		
	<i>Tự chọn: Chọn 1 trong các môn sau theo thứ tự ở cột ghi chú</i>		13	13		
	Logic học đại cương		3	3		
	Soạn thảo văn bản pháp luật		2	2		
	Luật kinh doanh bất động sản		2	2		
	Pháp luật về xuất nhập khẩu		2	2		
	Luật sở hữu trí tuệ		2	2		
	Pháp luật về thi hành án dân sự		2	2		

	7.2.5. Thực tập & KLTN (hoặc học môn thay thế)		9	9		
	Khoá luận Thesis		9	9		
	<i>Môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>		9			
	Kỹ năng mềm Soft Skills		3		6	
Tổng cộng			121	113	08	

Ghi chú: TC: tín chỉ

LT: Lý thuyết

TH/TT: Thực hành/thực tập

8. Kế hoạch giảng dạy

Các môn Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng đào tạo theo kế hoạch chung của Trường.

TT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
HỌC KỲ 1			15			
1	Hướng nghiệp		1	15		
2	Lý luận Nhà nước và Pháp luật		3	45		
3	Tiếng Anh 1		3	45		
4	Luật Hiến pháp		3	45		
5	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam		2	30		
6	Logic học đại cương		3	45		Tự chọn
7	Xã hội học đại cương		3	45		
8	Văn bản và lưu trữ đại cương		3	45		

9	Cơ sở văn hóa Việt Nam		3	45		
10	Lịch sử văn minh thế giới		3	45		
HỌC KỲ 2			20			
1	Tiếng Anh 2		3	45		
2	Giáo dục thể chất 1		2			
3	Luật Dân sự 1		2	30		
4	Tin học căn bản		3			
5	Luật đất đai		3	45		
6	Luật Hành chính		3	45		
7	Đạo đức nghề luật		1	15		
8	Luật thương mại 1		3	45		
HỌC KỲ 3			22			
1	Giáo dục thể chất 2		1	15		
2	Triết học Mác - Lênin		3	45		
3	Tiếng Anh 3		3	45		
4	Kinh tế học đại cương		3	45		
5	Luật Dân sự 2		2	30		
6	Công pháp quốc tế		3	45		
7	Tiếng Anh 4		3	45		

8	Luật Hôn nhân và gia đình		2	30		
9	Kỹ thuật đàm phán và soạn thảo hợp đồng		2	30		Tự chọn
10	Soạn thảo văn bản pháp luật		2	30		
11	Tâm lý học tư pháp		2	30		
HỌC KỲ 4			18			
1	Tiếng Anh 5		3	45		
2	Luật Hình sự		3	45		
3	Luật Tổ tụng hình sự		2	30		
4	Luật thương mại 2		3	45		
5	Tư pháp quốc tế		3	45		
6	Luật môi trường		2	30		
7	Luật kinh doanh bất động sản		2	30		Tự chọn
8	Luật kinh doanh bảo hiểm		2	30		
HỌC KỲ hè 2			12			
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2	30		
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học		2	30		
3	Giáo dục quốc phòng – an ninh		8	120		
HỌC KỲ 5			17			
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	30		
2	Luật tổ tụng dân sự		3	45		
3	Luật thương mại quốc tế		2	30		
4	Luật lao động		3	45		
5	Tiếng Anh chuyên ngành		3	45		

6	Tội phạm học		2	30		
7	Pháp luật về xuất nhập khẩu		2	30		Tự chọn
8	Luật đầu tư		2	30		
HỌC KỲ 6			15			
1	Pháp luật về thương mại điện tử		2	30		
2	Luật cạnh tranh		2	30		
3	Luật ngân sách		2	30		
4	Luật ngân hàng		2	30		
5	Luật thuế		3	45		
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	30		
7	Luật thuế quốc tế		2	30		Tự chọn
8	Luật sở hữu trí tuệ		2	30		
9	Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán		2	30		
HỌC KỲ hè 3			4			
1	Pháp luật về thi hành án dân sự		2	30		Tự chọn
2	Pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại		2	30		Tự chọn
3	Lịch sử Đảng Cộng sản VN		2	30		
4	Luật các tổ chức quốc tế		2	30		Tự chọn
HỌC KỲ 7			9			
<i>Chọn 1 trong 2 hình thức tốt nghiệp</i>						
Nhóm sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp						
1	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>		9	135		
Nhóm sinh viên làm tiểu luận tốt nghiệp						

1	Tiểu luận tốt nghiệp		6	90		
2	Kỹ năng mềm		3	45		
Tổng cộng			121			

Tổng số khóa học ngành Luật Kinh tế có: **121 tín chỉ** (bắt buộc 108 tín chỉ + tự chọn 13 tín chỉ).

Lưu ý: Kế hoạch học kỳ dự kiến trên chỉ mang tính chất tham khảo, Sinh viên lựa chọn môn học trong kế hoạch học kỳ của các chuyên ngành khác, các khóa đã triển khai nhằm tích lũy đủ số môn theo chương trình đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

9.1. Xây dựng đề cương chi tiết các môn học

Trên cơ sở chương trình đào tạo, giảng viên biên soạn đề cương chi tiết theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường với một số điểm cần lưu ý:

- Việc triển khai chi tiết các môn học phải đảm bảo tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, cần qui định các môn học tiên quyết của môn học kế tiếp trong chương trình đào tạo.

- Về nội dung: Trừ phần kiến thức tự chọn, các môn học còn lại là bắt buộc thực hiện. Nội dung trong đề cương là những nội dung cốt lõi của môn học. Có thể bổ sung thêm nội dung hay thời lượng cho một môn học nào đó, phần thời lượng thêm vào được lấy từ thời lượng môn học tự học của khối kiến thức tương ứng.

- Phần kiến thức tự chọn: Sinh viên lựa chọn các môn học trên cơ sở số tín chỉ tích lũy quy định cho nhóm môn học tự chọn để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ. Phần kiến thức tự chọn, hàng năm có thể thay đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu cập nhật và hội nhập.

- Ngoài ra chương trình có môn học Kiến tập nhằm giúp cho sinh viên làm quen với thực tế doanh nghiệp từ năm thứ 2, sẽ triển khai vào học kỳ 6 của khóa học, sinh viên đến kiến tập tại doanh nghiệp.

- Về yêu cầu thực hiện số lượng bài tập (nếu có) của các môn học do giảng viên qui định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện kỹ năng cần thiết.

- Tất cả các môn học đều phải có giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn... đã in sẵn cung cấp cho sinh viên. Tùy theo nội dung các môn học, giảng viên xác định phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

9.2. Định hướng phương pháp dạy học

- Chương trình được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học: giảm số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự học tập, nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực tập;

- Khối kiến thức của chương trình phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho chương trình giáo dục trình độ đại học 3.5 năm.

9.3. Định hướng đánh giá

- Đánh giá học tập thường xuyên bằng kiểm tra lý thuyết, thực hành, viết tiểu luận, vấn đáp.

- Môn Kiến tập, Kỹ năng học tập và các môn học chuyên đề Kỹ năng được đánh giá kết quả học tập theo thang điểm 10, được tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

- Tổ chức thi kết thúc môn học theo hình thức: tự luận, trắc nghiệm khách quan, viết tiểu luận hoặc kết hợp với các hình thức trên.

- Quy trình tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá thực hiện theo quy chế hiện hành của nhà trường.

9.4. Tốt nghiệp

Ngoài môn thực tập tốt nghiệp, sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các môn học tích lũy thay thế khóa luận theo quy định của Khoa, cụ thể:

9.5.1. Tốt nghiệp với Khóa luận tốt nghiệp (KLTN) Điều kiện làm KLTN:

1. Tại thời điểm công bố danh sách chính thức đi thực tập tốt nghiệp (TTTN) hoặc viết KLTN:

- Sinh viên không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên, không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự; Đã tham gia đầy đủ số học phần quy định cho khoá học, không còn học phần nào bị điểm F, không còn học cải thiện; Không vi phạm nghĩa vụ nộp học phí.

- Đối với sinh viên được xét viết KLTN phải có điểm trung bình chung tích lũy (TBCTL) đạt mức từ 7,0 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc cao hơn theo quyết định cụ thể từng năm của Hiệu trưởng.

2. Sinh viên các khóa trước hoặc khoá sau, khi có đủ các điều kiện đi TTTN hoặc viết KLTN (riêng đối với sinh viên khoá sau) phải làm đơn xin đi TTTN hoặc viết KLTN. Đơn phải gửi về Phòng Quản lý Đào tạo chậm nhất trong tuần đầu tiên của học kỳ TTTN hoặc viết KLTN.

9.5.2. Tốt nghiệp với các môn học thay thế KLTN:...

Đối với các học phần tích lũy để tốt nghiệp, sinh viên có thể tích lũy dần dần ở các học kỳ.

Sinh viên có thể đăng ký các môn học thay thế KLTN trước khi thực tập tốt nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG